

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná (DAĐT): số 1650/QĐ-BNN-KH ngày 20/4/2021 về việc giao nhiệm vụ thực hiện chuẩn bị đầu tư (DAĐT); số 3382/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư (DAĐT);

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND huyện Thuận Nam về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây

dựng tỷ lệ 1/500 Cảng cá Cà Ná mở rộng, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná tại xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 4175/UBND-KTTH ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc xác định đơn vị chủ đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận;

Xét Tờ trình số 1187/TTr-BQLĐAĐTĐ ngày 28/11/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận (chủ đầu tư) về việc thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (kèm theo Báo cáo số 2254/BC-TCTS-KHTC ngày 22/12/2022) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận.

4. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình trong phạm vi vùng nước để: Đảm bảo neo đậu an toàn cho khoảng 1.200 tàu có công suất đến 1.000CV; Cảng cá đáp ứng yêu cầu cho 120 lượt tàu đến 1.000CV cập cảng/ngày, lượng hàng hóa qua cảng 25.000 tấn/năm; Đảm bảo tránh trú an toàn cho tàu thuyền, người và tài sản của ngư dân hoạt động trên vùng biển tỉnh Ninh Thuận và các tỉnh lân cận trong mùa mưa bão, kết hợp phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ cho ngư dân khai thác trên biển. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu, mục tiêu định hướng phát triển ngành theo chuỗi sản xuất, từ khâu nguyên liệu đầu vào cho đến khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm cũng như yêu cầu truy xuất nguồn gốc thủy sản theo Luật Thủy sản.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Khu neo đậu: Tổng diện tích khu vực neo đậu khoảng 35 ha. Bao gồm:

- Khu vực 1 cho tàu có chiều dài < 15m (< 90CV) diện tích khoảng 8,0ha.
- Khu vực 2 cho tàu có chiều dài 15 ÷ 20m (90 ÷ 400CV) diện tích khoảng 7,0ha.

- Khu vực 3 cho tàu có chiều dài $20 \div 24\text{m}$ ($400 \div 800\text{CV}$) diện tích khoảng 7,0ha.

- Khu vực 4 cho tàu có chiều dài $24 \div 35\text{m}$ (khoảng 20 tàu $600 \div 800\text{ CV}$ và các tàu $800 \div >1000\text{CV}$) diện tích khoảng 9,0ha.

- Tuyến luồng và vùng quay tàu khoảng 4,0ha

5.2. Hạng mục nạo vét:

- Tổng diện tích nạo vét khoảng: 5,0 ha.

- Cao trình nạo vét : -3,2 m; -3,8 m và -4,8 m .

- Tổng khối lượng nạo vét khoảng 133.000 m³.

5.3. Hệ thống neo tàu:

- Trên đỉnh kè K2, K3 bố trí các trụ neo với Bích neo T20, khoảng cách 9-20m/bích neo. Số lượng dự kiến 52 bích neo tàu (tương ứng với khoảng 390 tàu neo).

- Giữa khu nước tàu ghép thành cụm neo bằng phao neo: đối với tàu $<90\text{Cv}$ là $5 \div 7$ tàu 1cụm; đối với tàu $90 \div 1.000\text{Cv}$ là 5 tàu/1cụm; Tổng số phao neo khoảng 180 phao (tương ứng khoảng 810 tàu neo).

5.3. Hệ thống đèn báo hiệu: Bố trí 02 cột đèn báo hiệu cao khoảng 7m tại 02 đầu đê chắn sóng ở cửa luồng.

5.4. Kè bảo vệ bờ:

5.4.1. Tuyến kè K2: Bao gồm 2 đoạn:

- Đoạn đầu dài khoảng 165m (Giáp với cầu trên đường ven Biển): Giữ nguyên kết cấu mái Kè hiện hữu, gia cố chân Kè bằng 02 hàng ống buy lục giác bê tông đúc sẵn để hạ thấp chân Kè và nạo vét đến cao trình -2,00m, tiếp giáp dần đến vùng neo đậu.

- Đoạn tiếp theo dài khoảng 417m: Hình thức kết cấu cừ ván bê tông dự ứng lực kết hợp với cọc BTCT, chân gia cố bằng rọ đá bọc PVC. Trên đỉnh kè bố trí các trụ neo với Bích neo T20, khoảng cách 9-20m/bích neo. Cao trình đỉnh kè +2,00m.

5.4.2. Tuyến kè K3:

- Từ tuyến đường ven biển Ninh Thuận đến gần Cảng cũ (đối diện với tuyến kè K2). Tổng chiều dài khoảng 840m, gồm các đoạn: Đoạn từ K0 đến K0+96m là đoạn nối tiếp với đường ven biển, cao trình đỉnh thay đổi từ +4,78m đến +2,00m; Đoạn từ K0+96m đến K0+840m là đoạn Kè kết hợp các trụ neo, cao trình đỉnh +2,0m.

- Hình thức kết cấu Kè mái nghiêng, gia cố bằng tấm lát bê tông đúc sẵn trên lớp dăm lót và vải địa kỹ thuật; kết cấu chân Kè bằng ống buy lục giác bê tông đúc sẵn kết hợp đá hộc.

5.5. Cảng Cà Ná kéo dài:

5.5.1. Kéo dài cầu Cảng hiện hữu: Kích thước mặt cảng kéo dài: LxB =

(352x10)m. Cao trình đỉnh +2,3m. Trên đỉnh kê bố trí các trụ neo. Hình thức kết cấu: Cừ ván bê tông dự ứng lực kết hợp với cọc BTCT. Trên mặt Càng cứng hóa bằng BT chiều rộng khoảng 10m và bố trí cột điện chiếu sáng.

5.5.2. Thoát nước:

- Thoát nước thải: Bố trí mương thoát dọc cảng kéo dài (từ hố ga 01 đến hố ga 19) thu gom nước tập trung tại vị trí góc của cảng sau đó đấu nối với hố ga hiện hữu và đưa về hệ thống xử lý hiện hữu.

- Thoát nước mưa: Bố trí mương thoát dọc cảng kéo dài và song song với hệ thống thoát nước thải, thu gom nước mưa về hố thoát 18, sau đó thoát ra phía biển.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích phạm vi nghiên cứu:

7.1. Địa điểm xây dựng: Huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

7.2. Phạm vi khoảng 35ha diện tích mặt nước và khoảng 2,0ha diện tích đất công trình.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

8.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

8.2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

9.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: 214.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười bốn tỷ đồng).

Bao gồm:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng:	11.745.233.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	156.554.636.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.115.480.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.723.907.000 đồng
- Chi phí khác:	3.563.362.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	30.297.382.000 đồng

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm, kể từ năm khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư:

12.1. Vốn Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý): 200.000.000.000 đồng;

12.2. Vốn ngân sách địa phương: 14.000.000.000 đồng (để thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Giải phóng mặt bằng trong phạm vi diện tích mặt đất, mặt nước thực hiện dự án theo chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện hành.

15. Các nội dung khác:

15.1. Các lưu ý trong trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Diện tích, cao độ nạo vét, biện pháp thi công nạo vét; Số lượng, kích thước, thông số kỹ thuật phao neo và phao báo hiệu; Chiều dài, tiết diện kè bảo vệ bờ; Việc điều chỉnh không làm vượt tổng mức đầu tư dự án.

15.2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Hiệu chỉnh, hoàn thiện thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, chi phí thuộc tổng mức đầu tư theo kết quả thẩm định của Tổng cục Thủy sản (Báo cáo số 2254/BC-TCTS-KHTC ngày 22/12/2022).

- Chủ đầu tư chỉ phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình sau khi đã được Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận thống nhất việc khớp nối đồng bộ giữa hai dự án (dự án Nạo vét cảng Cà Ná và dự án Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná).

- Lập biện pháp tổ chức và quản lý đối với bãi chứa chất nạo vét. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chấp thuận trước khi chuyển giao cho đơn vị khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận chịu trách nhiệm:

- + Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành và bố trí đủ vốn (theo Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận) để đáp ứng tiến độ triển khai của dự án;

- + Thực hiện nạo vét toàn bộ phần mặt nước còn lại của khu neo đậu ngoài phạm vi 2 dự án: (i) dự án Nạo vét cảng Cà Ná đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt tại Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 16/6/2021; (ii) dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Cà Ná do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả của dự án;

- + Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành đúng mục tiêu đầu tư. Cân đối bố trí kinh phí quản lý, duy tu các hạng mục công trình (khoản 2 Điều 2 Quyết định 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường;

bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Phùng Đức Tiến;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Kho bạc NN tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT, TCTS (08 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp